

Số: /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của dự án Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2
(từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật
Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 2811/STNMT-CCBVMT ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Sở
Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá
tác động môi trường của dự án Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn
2 (từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng; Văn bản số 83/CV-BQLDA
ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm
Giàng về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án và hồ sơ gửi kèm;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
922/TTr-TNMT ngày 14 tháng 11 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2 (từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Giàng (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban QLDA ĐTXD huyện Cẩm Giàng;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Cẩm Giàng;
- UBND xã Cẩm Đông;
- Trung tâm CNTT - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, Thành (5b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lưu Văn Bản

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2 (từ Km6+134
đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2 (từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng.
- Địa điểm thực hiện: Xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Chủ dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cẩm Giàng.

1.2. Phạm vi, quy mô của Dự án

- Cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2 (từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng có tổng chiều dài tuyến là 1.094m. Điểm đầu tuyến từ cống Vĩnh Lại tương ứng với Km6+134, điểm cuối tuyến tại Km7+228 (giao với điểm kết nối giai đoạn 1 đang thi công) thuộc địa bàn thôn Trung và thôn Tinh Cách, xã Cẩm Đông, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV- đồng bằng (TCVN 4054:2005), đường phố (TCVN 13592:2022) - quy hoạch phát triển xã Cẩm Đông trở thành đô thị cấp V giai đoạn 2026-2030. Do đoạn tuyến đi qua khu dân cư cũ nên chầm trước thiết kế tốc độ $V_{tk}=40\text{Km/h}$.

- Ngoài ra có 02 vị trí đường ngang là đường trục chính của địa phương kết nối từ đường huyện 195B vào các khu dân cư và ra khu sản xuất nông nghiệp cần cải tạo, cụ thể:

+ Nhánh kết nối từ đường huyện 195B chính tuyến với khu dân cư cũ (Km6+614/trái tuyến): Điểm đầu giao với tim đường huyện 195B (trái) tại Km6+614, điểm cuối giao với đường bê tông xi măng hiện trạng, tổng chiều dài khoảng 107m. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp V (TCVN 4054:2005), thiết kế tốc độ $V_{tk}=30\text{Km/h}$.

+ Nhánh nối đường huyện 195B với đường ra đồng bà Bắc (phía Bắc thôn Tinh Cách): Điểm đầu giao với mép đường huyện 195B (trái) tại Km7+019, điểm cuối hết phạm vi ngã tư đường bê tông xi măng ra đồng cũ, tổng chiều dài khoảng 104m. Tuyến thiết kế theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (TCVN 10380:2014), thiết kế tốc độ $V_{tk}=30\text{Km/h}$, tải trọng xe ô tô 10T.

- Các hạng mục công trình phụ trợ khác của dự án: Công trình thoát nước dọc tuyến, ngang tuyến; công trình an toàn giao thông.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

a) Hạng mục công trình chính

- Tuyến chính với quy mô cải tạo, mở rộng đường huyện 195B giai đoạn 2 (từ Km6+134 đến Km7+228), huyện Cẩm Giàng có tổng chiều dài 1.094m, như sau:

+ Từ đầu tuyến (Km6+134) đến cọc 24-9,5m (Km6+431.54), dài 297,54m, thiết kế mặt đường rộng 7,0m, lề đường 2x1,0m.

+ Đoạn nối tiếp, từ cọc 24-9,5m đến cọc 42 (Km6+679) dài 247,46m thiết kế mở rộng mặt đường 10,5m, đầu và cuối đoạn vượt nối vào mặt đường 7,0m (tỷ lệ 1/20). ½ đường bên trái, đoạn giao với đường ngang bên trái (ĐH.195B/Km6+614) mở rộng thêm làn tăng, giảm tốc (đủ 02 làn xe, rộng 7m). Lề đường đắp đất, bên phải rộng 0,5m và bên trái rộng 1,0m.

+ Từ Km6+679 đến Km7+228, dài khoảng 549m (qua khu dân cư cũ), đồng bộ với giai đoạn 1 đã duyệt, thiết kế mặt đường rộng 7,5m (có đan rãnh 0,25m mỗi bên).

+ Mặt đường thiết kế dốc ngang 2 mái 2% (phạm vi đường cong theo siêu cao), dốc ngang lề đất 4% (dốc ra ngoài nền đường), dốc mặt hè 1.5% (dốc vào lòng đường). MáI ta luy đắp 1/1.5, máI đào 1/1.

- Nhánh kết nối từ đường huyện 195B chính tuyến với khu dân cư cũ (Km6+614/trái tuyến): Mặt đường 2 làn xe, mỗi làn rộng 2,75m, lề đất phía trái giáp ruộng rộng 1,0m, phía bên phải giáp đan rãnh rộng 0,25m và tường bồn hoa. Dốc ngang mặt đường thiết kế dốc ngang 1 mái 2% (nghiêng từ tường bồn hoa về phía ruộng), dốc ngang lề đất 4% (dốc ra ngoài nền đường). MáI ta luy đắp 1/1.5, máI đào 1/1.

- Nhánh nối đường huyện 195B với đường ra đồng Bà Bắc (phía Bắc thôn Tỉnh Cách): Mặt đường xe chạy rộng cơ bản 4m, dốc ngang 2 mái 2%.

b) Hạng mục công trình phụ trợ

- Cống thoát nước ngang: Thiết kế mới, tận dụng lại và nối dài hai bên cống cũ còn đảm bảo sử dụng, gồm:

+ Nối dài hai bên cống cũ: 01 cống có khẩu độ BxH=0,8x1,0m; 01 cống D80cm.

+ Thiết kế mới: 05 cống D800; 02 cống D600.

+ Lắp bỏ: 01 cống BxH=0,5x0,85m, dài 5m tại cọc 58+3,45m.

- Hệ thống thoát nước dọc:

+ Đoạn từ Km6+134-Km6+662: Cơ bản nằm ngoài khu dân cư, được thoát nước tự nhiên. Dọc bên trái, tận dụng lại đoạn mương xây thủy lợi cũ để kết hợp thoát nước ½ đường tiếp giáp. Còn lại, nước mặt chảy theo dốc dọc, ngang đường sau đó đổ vào ruộng, thung trũng tiếp giáp. Phạm vi ½ đường giáp khu vực cây đa cổ thụ thiết kế mới 1 đoạn cống dọc BTCT D400, tạo dốc nước thu về hố thu cống D800 tại cọc 41+4.4m.

+ Đoạn từ Km6+662-Km7+144: Thiết kế mới rãnh thoát nước dọc bằng cống tròn BTCT D600 và BTCT D400 dọc tuyến, kết hợp ga thu nước với khoảng cách hố thu từ 30m/hố.

- An toàn giao thông: Thiết kế sơn kẻ vạch, sơn gờ các loại, trồng mới các biển báo hiệu (biển báo đường giao, đường thu hẹp, biển chỉ hướng,...) cho phù hợp với hình thức tổ chức giao thông trên đoạn tuyến.

c) Các hạng mục phụ trợ phục vụ thi công

- Bãi đổ vật liệu không thích hợp: Dự kiến có 01 bãi đổ vật liệu không thích hợp tại khu vực trường nghề CNT thuộc địa phận thôn An Lại, xã Cẩm Đông, diện tích khoảng 1.500m², trữ lượng khoảng 4.000m³.

- Công trường thi công: Bố trí trong phạm vi giải phóng mặt bằng.

1.3.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động thu dọn, giải phóng mặt bằng.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.

- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, đổ vật liệu không thích hợp.

- Hoạt động vận hành tuyến đường.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyên đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa 02 vụ với diện tích khoảng 6.062,02m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động phát quang, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải, phế thải phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, có nguy cơ gây ngập úng, gián đoạn nguồn nước tưới, ảnh hưởng đến cảnh quan, hoạt động giao thông đường bộ và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy nổ; hoạt động của máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Trong giai đoạn vận hành: Bụi khí thải từ hoạt động của các động cơ xe; bụi, khí thải từ vận hành dòng xe; nước mưa chảy tràn; chất thải rắn; tiếng ồn, độ rung; nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, sụt lún, sạt lở.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động vệ sinh của công nhân tại công trường khoảng 2,25 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (NO₃⁻, PO₄³⁻) và các vi sinh vật.

- Nước thải thi công: Nước thải phát sinh vệ sinh dụng cụ thi công khoảng 0,225 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát.

b) Giai đoạn vận hành

Chủ yếu là nước mưa chảy tràn trên tuyến. Tính chất của nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng, đất, cát.

3.1.2. Bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động phá dỡ các công trình hiện hữu, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đất đá không thích hợp, phế thải phát sinh bụi và khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động của phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải với thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂, HC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Chất của thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh chất thải rắn thông thường với tổng khối lượng khoảng 4,55 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm thực bì, cây cỏ, đất cát bám theo rễ cây,...

- Hoạt động phá dỡ các công trình vật kiến trúc phục vụ thi công phát sinh phế thải với khối lượng khoảng 1.463,8 tấn. Thành phần chủ yếu bao gồm đất đá, gạch ngói, bê tông, phế liệu,...

- Hoạt động bóc lớp đất hữu cơ bề mặt (20-25cm) của đất trồng lúa 02 vụ phát sinh đất hữu cơ khoảng 1.818,6 tấn.

- Hoạt động đào đắp đất: Khối lượng đất đào của Dự án khoảng 8.475,55 m³ được tận dụng 7.628 m³ để san lấp nền, vận chuyển về bãi chứa vật liệu không thích hợp khoảng 847,55 m³, tương đương khoảng 1.186,57 tấn.

- Hoạt động thi công làm phát sinh chất thải rắn thi công khoảng 500 tấn, thành phần chính là đất, đá loại, bê tông hỏng, bỏ bao xi măng,...

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 15 kg/ngày với thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, giấy báo,...

b) Giai đoạn vận hành

Hoạt động bảo trì, vận hành các công trình trên tuyến phát sinh chất thải rắn thông thường với khối lượng nhỏ. Thành phần chủ yếu là bê tông, nhựa đường bám dính, cọc tiêu hỏng,...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh trong cả giai đoạn thi công khoảng 1.990kg, thành phần chủ yếu gồm: bôn đèn huỳnh quang thải, dầu thải từ hoạt động bảo dưỡng, giẻ lau dính dầu, cặn sơn, thùng đựng sơn.

b) Giai đoạn vận hành: Không phát sinh.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn, độ rung có khả năng ảnh hưởng tới các khu dân cư thôn Trung và thôn Tinh Cách, xã Cẩm Đông nằm dọc tuyến đường thi công.

b) Giai đoạn vận hành:

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư các thôn nằm dọc hai bên tuyến tính từ phạm vi mốc lộ giới, bao gồm các khu dân cư thôn Trung và thôn Tinh Cách, xã Cẩm Đông.

3.4. Các tác động khác

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Dự án thu hồi diện tích khoảng 6.062,02 m² đất trồng lúa 02 vụ trở lên. Hoạt động này sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân mất đất sản xuất nông nghiệp.

- Trong thi công sẽ tác động đến hệ thống kênh mương thủy lợi tại các vị trí công ngang đường cũ là kênh mương thủy lợi trong khu vực.

- Các tác động đến kinh tế - xã hội khu vực dự án, tác động đến hệ thống giao thông vận tải.

- Ngoài ra còn các sự cố, rủi ro trong như: sự cố cháy nổ, tai nạn điện, tai nạn lao động, an toàn giao thông.

b) Giai đoạn vận hành: Việc vận hành tuyến đường có thể cản trở thoát nước hai bên tuyến do các chất bẩn cuốn theo nước mưa chảy tràn và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động có tổng dung tích 2,5m³ đặt tại khu lán trại công nhân tại công trường để thu gom, lưu trữ chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bồn chứa chất thải mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Nước thải xây dựng: Sử dụng 2 thùng phuy dung tích 200l để thu gom và lắng đọng chất rắn lơ lửng từ nước vệ sinh dụng cụ thi công tại công trường. Nước sau khi lắng đọng chất rắn lơ lửng được sử dụng để phối trộn nguyên vật liệu xây dựng hoặc tưới ẩm đường giao thông, giảm thiểu bụi trên công trường thi công, không thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Tại khu vực thi công dọc tuyến: Lập kế hoạch phù hợp để hạn chế tối đa việc đào, đắp vào mùa mưa; thi công cuốn chiếu. Đào hố móng cống, rãnh thi công cùng với đào khuôn nền đường và di chuyển cột điện hạ thế. Thi công theo từng đoạn ngắn từ 50-100m để tiện cho việc điều phối thoát nước tạm trong quá trình thi công.

+ Tại bãi đổ vật liệu không thích hợp: Tạo hệ thống rãnh 30×30 (cm) xung quanh bãi đổ vật liệu không thích hợp thu gom nước mưa chảy tràn về 01 hố 1×1×1 (m) được bố trí đầu bãi để lắng lọc trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận.

b) Giai đoạn vận hành

- Khẩu độ cống đủ lớn, đảm bảo yêu cầu nạo vét khi cống bị bồi lắng. Cống thiết kế mới theo tiêu chuẩn vĩnh cửu phù hợp với quy mô mặt cắt ngang. Khẩu độ cống thiết kế đảm bảo lưu lượng thiết kế, khẩu độ cống tối thiểu của cấp đường.

- Rãnh dọc đầy đan được bố trí tại một số đoạn cục bộ để đảm bảo khả năng thoát và tiêu nước mặt đường.

- Thường xuyên vệ sinh tuyến đường sạch sẽ để hạn chế các chất bẩn bị nước mưa rửa trôi vào nguồn tiếp nhận.

4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Làm ẩm bề mặt: Vào những ngày nắng, tại khu vực công trường được phun nước làm ẩm bề mặt (tối thiểu 2 lần/ngày). Hoạt động này được thực hiện trong suốt giai đoạn san ủi mặt bằng.

- Làm ẩm vật liệu phá dỡ: Tưới nước làm ẩm lên công trình cần phá dỡ trước và sau khi tiến hành phá dỡ.

- Giải phóng phế thải phá dỡ: Thực hiện phá dỡ theo nguyên tắc phá đến đâu làm sạch ngay đến đó. Những loại có thể tái sử dụng được thu gom tập trung thành từng đống trong phạm vi giải phóng mặt bằng và được làm ẩm để tránh

phát tán bụi; những chất thải loại không tái sử dụng được phải chuyển ngay về vị trí san lấp mặt bằng theo quy định dưới sự giám sát của tổ tư vấn giám sát.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn vật liệu rơi vãi và vệ sinh mặt đường đảm bảo an toàn giao thông và hạn chế phát tán bụi ra khu vực lân cận.

- Sử dụng các phương tiện, máy móc được đăng kiểm; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định.

- Thực hiện làm sạch bề mặt trước khi trải thảm nhựa bằng biện pháp quét vệ sinh trước sau đó dùng máy thổi bụi chuyên dụng để hạn chế tối đa phát tán bụi ảnh hưởng đến khu dân cư.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.

b) Giai đoạn vận hành

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên mặt đường để giảm phát sinh bụi.

- Các xe chở vật liệu, hàng hóa phải được che chắn, tránh để rơi vãi ra đường và phải tuân thủ đúng tốc độ quy định.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải do phát quang thảm thực vật: Cây nông nghiệp để chủ sở hữu tận thu, còn lại chủ dự án có trách nhiệm vận chuyển về bãi rác của địa phương.

- Chất thải rắn từ quá trình phá dỡ: Thực hiện phân loại và xử lý thích hợp, chất thải có tái chế được như sắt, thép, vỏ bao xi măng,... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua; gạch, bê tông vỡ dùng để san lấp mặt bằng; phần không sử dụng được vận chuyển về vị trí đổ vật liệu không thích hợp đã được thỏa thuận với địa phương.

- Đất hữu cơ bề mặt của đất trồng lúa 02 vụ được thu gom về bãi đổ vật liệu không thích hợp (bãi đổ gồm 02 ngăn, trong đó 01 ngăn tập kết chất thải rắn xây dựng, 01 ngăn tập kết đất hữu cơ bề mặt đất trồng lúa), quản lý theo quy định tại Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng rác loại 50-100 lít tại công trường thi công. Đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên phục vụ dự án và hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

- Quản lý chất thải rắn xây dựng:

+ Không tập kết rác thải gần nguồn nước mặt; có kế hoạch thi công hợp lý; chất thải bao gồm đất đá thải, gạch vỡ, bê tông rơi vãi được tận dụng đắp nền, san lấp các công trình trên tuyến.

+ Các loại chất thải như vỏ bao xi măng, sắt, nhựa thừa được thu gom và bán lại cho đơn vị thu mua.

+ Bùn, đất thừa được vận chuyển về bãi đổ vật liệu không thích hợp; chỉ được phép đổ thải vào các vị trí được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận, không đổ chất thải xuống ao, hồ.

+ Lán trại, vật liệu của các công trình tạm được dọn sạch sau thi công.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công xây dựng:

- Thu gom toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng. Bố trí 02 thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ và lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công, có mái che, có gắn biển hiệu cảnh báo và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, QCVN 07:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

b) Giai đoạn vận hành: Không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Tuân thủ các quy định về tổ chức thi công; bố trí thời gian thi công hợp lý, hạn chế thi công vào ban đêm tại các đoạn qua khu đông dân cư. Sử dụng các thiết bị sử dụng còn thời hạn kiểm định. Thực hiện giám sát tiếng ồn, rung động tại khu vực thi công.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn vận hành

Thực hiện các phương án, giải pháp giảm thiểu tiếng ồn phù hợp tại các vị trí tuyến đi qua khu dân cư tập trung, các đối tượng nhạy cảm khác trong trường hợp cần thiết; hoặc các giải pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tiếng ồn từ hoạt động của Dự án không gây ảnh hưởng tới các khu dân cư lân cận.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chỉ triển khai thi công xây dựng Dự án sau khi hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Hoàn trả hệ thống mương đúng theo nội dung đã thỏa thuận với cơ quan quản lý thủy lợi.

4.5. Các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Thực hiện cải tạo, nâng cấp các công ngang thoát nước tại các vị trí mà Dự án cắt qua khi tiến hành thi công; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các công rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Xây dựng các phương án ứng phó đối với các sự cố, tai nạn lao động, tai nạn giao thông; tăng cường phổ biến và hướng dẫn cán bộ kỹ thuật, công nhân lao động kỹ năng phòng, tránh, ứng phó sự cố tai nạn lao động; không tập kết vật tư, vật liệu, thiết bị, làm lán trại ngoài phạm vi Dự án.

b) Giai đoạn vận hành

- Sự cố tai nạn giao thông: Cấm biển cảnh báo an toàn giao thông; quy định tốc độ tối đa cho phép; đảm bảo hệ thống đèn chiếu giao thông trên tuyến đường, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế kịp thời các thiết bị hỏng, tránh gây chập, cháy nổ và đảm bảo tiến độ chiếu sáng; đảm bảo tuyến đường được sơn kẻ phân luồng đường giao thông để đảm bảo an toàn cho các phương tiện tham gia giao thông.

- Sự cố về sụt lún: Thường xuyên kiểm tra tuyến đường; quét dọn, khơi thông dòng chảy; gia cố kịp thời những đoạn có dấu hiệu sạt lở, đặc biệt trước mùa mưa bão.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án trong giai đoạn thi công xây dựng

5.1. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 03 điểm trong khu vực thi công Dự án.

- Thông số giám sát: Bụi TSP, SO₂, NO_x, CO, tiếng ồn, độ rung.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

5.2. Giám sát môi trường nước

- Vị trí giám sát: 01 vị trí kênh mương tiếp giáp dự án.

Thông số giám sát: pH, độ đục, DO, COD, BOD5, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), dầu mỡ, coliform, E.coli.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2023/BTNMT, mức B.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định Luật Bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường sau:

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với các đơn vị quản lý hạ tầng giao thông đường bộ thực hiện thỏa thuận đấu nối và đảm bảo an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công và vận hành dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi dự án; chỉ được phép triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tại các khu vực triển khai thi công theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Lắp đặt hệ thống biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực dự án về thời gian thi công, xây dựng; có biện pháp tạm thời để đảm bảo an toàn giao thông đường bộ và đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong quá trình thi

công dự án.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông đường bộ, phòng chống lụt bão, phòng cháy chữa cháy và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện và vận hành dự án.

- Chỉ được phép đổ thải các loại bùn, đất, đá thải, phế thải xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đúng vào vị trí đã được chính quyền địa phương chấp thuận và phải có biện pháp quản lý, kỹ thuật đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ thải.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, ngập lụt, cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công và vận hành dự án; chủ động phòng ngừa, ứng phó với các điều kiện thời tiết cực đoan để đảm bảo an toàn cho người, phương tiện và các công trình khu vực dự án.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực bãi thải và thanh thải lòng kênh mương, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Thực hiện công tác đền bù thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng trong quá trình xây dựng do sụt lún và các tuyến đường vận chuyển bị hư hỏng./.